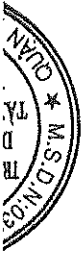


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

TRANG	NỘI DUNG
02 - 04	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
05 - 06	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
07 - 14	BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHỖ

0521
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VÀ KIỂM TOÁN
 VÀ KIỂM TOÁN
 VÀ KIỂM TOÁN
 VÀ KIỂM TOÁN
 VÀ KIỂM TOÁN

- > Quyết định số 304/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- > Quyết định số 316/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- > Quyết định số 309/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- > Quyết định số 325/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- > Quyết định 621/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- > Quyết định số 367/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- > Quyết định số 185/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- > Quyết định số 622/UBND-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- > Công văn số 581/2013/SGDHCHM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- > Công văn số 487/SGDHCHM-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- > Quyết định số 31/GPĐC-UBND của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- > Quyết định số 33/GPĐC-UBND của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- > Quyết định số 462/QĐ-UBND của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- > Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCHM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- > Quyết định số 464/QĐ-SGDHCHM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- > Giấy chứng nhận Thành viên Lưu ký số 112/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 09 năm 2017;
- > Quyết định số 30/GPĐC-UBND của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 23 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi trụ sở chính;
- > Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBND của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 07 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;

điều chỉnh như sau:
 ngày 12 tháng 02 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 104/UBND-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex)

Khái quát

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Bảo cáo tự lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

388
 NG T
 H H
 U TU
 H K
 M T
 M VI
 H C

thủ các yêu cầu sau:
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phân ảnh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty và được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
toàn các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2018 cho Công ty.

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng
Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thanh
Ông Trần Trung
Bà Trần Thị Hồng
Ông Trần Trung
Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Huỳnh Văn Phát
Tông Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bích Hồng
Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Nguyễn Văn Huỳnh
Ông Lâm Việt Sơn
Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2018 và đến ngày lập báo
cáo này như sau:

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công
bố trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

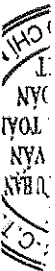
Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 23, Tòa nhà Thủ Đức, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà
Nội,
Thành, TP.HCM.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2, Tòa nhà Him Lam, Số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình
Thạnh, TP.HCM.

Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
đầu tư chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn
Hoạt động chính của Công ty là: Mọi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn

- Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 1243/QĐ - UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hà Nội;
- Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC - UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 09 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.
- Quyết định số 704/QĐ - UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Thực hiện các phân đoạn và ước tính một cách thận trọng khi tính các chỉ tiêu của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
 - Lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2018 đính kèm từ trang 07 đến trang 14 và đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập tuân thủ Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

Nguyễn Thị Bích Hồng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019



Thay mặt Hội đồng quản trị



Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tự lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tại ngày 31/12/2018, phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

Y kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.
Ban Tổng Giám đốc cũng như danh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tự lệ an toàn tài chính của Ban Tổng Giám đốc qua các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tự lệ an toàn tài chính trung thực, chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện danh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán của kiểm toán viên, bao gồm danh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tự lệ an toàn tài liệu và thuyết minh trên báo cáo tự lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số hợp lý về việc liệu báo cáo tự lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tự lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành khác. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tự lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành khác. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tự lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn và đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

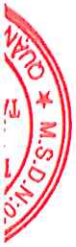
Trách nhiệm của Ban lãnh đạo công ty

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tự lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 14, Báo cáo tự lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 50/BCKT/TC



Vấn đề khác

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ký ngày 15/03/2018 đã đưa ra ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)



Cao Thị Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2018-152-1

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1

3052
CƠ
RÀCH M
DỊCH V
TÀI CH
VÀ KI
T. H
1. 7

Công ty Cổ phần Chứng Khoán
Liên Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BẢO CÁO TỰ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNHH

Tại thời điểm: 31/12/2018

Chúng tôi cam rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính;

- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Trần Lan Hương

KT.Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Đinh Việt Học

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Bích Hồng

3884
NG TY
ĐEM H
Ú T V
VH K
EM TO
M VI
HỘ

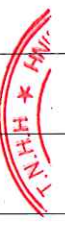
I. BẢNG TÌNH VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG		
	Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	(1)	(2)	(3)
			Vốn khả dụng
1	250.000.000,000		Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)
2			Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)
3			Cổ phiếu quỹ
4			Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phần vốn
5			Vốn khác của chủ sở hữu
6	8.093.470,000		Chênh lệch danh giá tài sản theo giá trị hợp lý
7	366.429,178		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
8	405.639,741		Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ
9			Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
10	6.071.849,166		Lợi nhuận chưa phân phối
11	10.839.792,521		Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản
12			Chênh lệch danh giá tài sản cổ định
13			Chênh lệch tỷ giá hối đoái
14			Các khoản nợ có thể chuyển đổi
15			Toàn bộ phần giảm di hoặc tăng thêm của các chứng khoán tài chỉ tiêu đầu tư tài chính
16			Vốn khác (nếu có)
1A	275.777.180,606		Tổng
B			Tài sản ngắn hạn
I		1.359.022,329	Tài sản tài chính
1			Tiền và các khoản tương đương tiền.
2			Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)
			- Chứng khoán niêm yết an rủi ro thị trường
			- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng
3			Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)
			- Chứng khoán niêm yết an rủi ro thị trường
			- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng
4			Các khoản cho vay
			Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)
			- Chứng khoán niêm yết an rủi ro thị trường
			- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng
5			Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp
6			

1	Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu có tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính;			
2	Chứng khoán phải thu (Phải thu bán các tài sản tài sản tài chính)			
3	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
4	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
6	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
7	Chứng khoán phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
8	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
11	Phải thu nội bộ			
12	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
13	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
14	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
15	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
16	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
17	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
18	Tài sản ngắn hạn khác			
19	Tâm ứng			
20	- Tâm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
21	- Tâm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
22	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
23	Chi phí trả trước ngắn hạn			
24	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
25	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
26	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
27	Tài sản ngắn hạn khác			
28	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
29	Tổng			
30	Tài sản dài hạn			
31	Tài sản tài chính dài hạn			
32	Các khoản phải thu dài hạn			
33				
34				
35				
36				
37				
38				
39				
40				
41				
42				
43				
44				
45				
46				
47				
48				
49				
50				
51				
52				
53				
54				
55				
56				
57				
58				
59				
60				
61				
62				
63				
64				
65				
66				
67				
68				
69				
70				
71				
72				
73				
74				
75				
76				
77				
78				
79				
80				
81				
82				
83				
84				
85				
86				
87				
88				
89				
90				
91				
92				
93				
94				
95				
96				
97				
98				
99				
100				



ID	Tổng	VỐN KHẢ DỤNG = IA - IB - IC-ID	
2			
2.1			
2.1.1			
2.1.2			
2.1.3			
2.2			
2.2.1			
2.2.2			
2.2.3			
2.2.4			
II	389.642.321		
III			
IV			
V			
VI			
IC	855.511.836		
D			
I			
1.1			
1.2			
1.3			
2			
Tổng			
			273.369.072.651

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Đơn vị tính: VND	Các hàng mục đầu tư		
	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1	Tiền (VND)	0%	1.753.600.041
2	Các khoản tương đương tiền	0%	129.677.302.808
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi.	0%	-
II. Trái phiếu Chính phủ			
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi.	0%	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định.	-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế (IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD).	3%	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			
			10.410.699.011
6			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	20%	-
7			
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	25%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	34.702.330.036
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	40%	-
IV. Cổ phiếu			
			6.612.886.000
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	2.270.500.000
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	37.840.000.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng chưa niêm yết, đang ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	3.549.180.000
			709.836.000

TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			
49.536.254.912			
-			
3	Trái phiếu Thương Thành 2018	10%	10.410.699.011
2	Cổ phiếu POT	10%	5.676.000.000
1	Cổ phiếu Cotec	10%	2.600.000.000
	Mã chứng khoán.	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro
			Giá trị rủi ro
khóa dự phòng)			
4.208.669.901	IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)		
26	Phần chênh lệch giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		
	Cách tính: Giá trị rủi ro = (Po x Qo x k - P1 x Q1) x R - MD		
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	35.380.000.000
28.304.000.000			
VIII. Chứng khoán khác.			
18	Hộp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-
17	Hộp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-
VII. Chứng khoán phái sinh			
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch.			
14	Quy thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-
13	Quy đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.			
12	Cổ phiếu của các Công ty đại chúng khác.	50%	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND	
Giá trị rủi ro	
Rủi ro trước thời hạn thanh toán	9.207.707.186
Rủi ro quá thời hạn thanh toán	11.163.802.521
Rủi ro tăng thêm	2.688.839.282
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	23.060.348.989

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)						Giá trị rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
1	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	9.135.137.323	72.569.863
2							-	-
3							-	-
4							-	-
5							-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							9.207.707.186	9.207.707.186

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	16%	-	-
2	32%	-	-
3	48%	-	-
4	100%	11.163.802.521	11.163.802.521
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN			11.163.802.521

3. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Gia trị rủi ro
1	Ngân hàng thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt	30%	8.962.797.607	2.688.839.282
2	-	-	-
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				2.688.839.282

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND	I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2018	II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II).	IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	V. 20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})
	28.185.982.812	(128.766.042)	28.314.748.854	7.078.687.214	17.000.000.000	17.000.000.000

Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

TT	Danh mục chi phí	Gia trị (VND)
1	Chi phí khấu hao	200.573.958
2	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
3	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
4	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(329.340.000)
5	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
6	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
TỔNG CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHỎI TỔNG CHI PHÍ		(128.766.042)

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	Các chỉ tiêu	Gia trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	49.536.254.912	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	23.060.348.989	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	17.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	89.596.603.901	
5	Vốn khả dụng	273.369.072.651	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	305,11%	

Kế toán trưởng

Trần Lan Hương

K.T.Trường bộ phận Kiểm soát nội bộ

Bình Việt Học

Chức vụ: Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Hồng

